TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79**/2021/HNGĐ- ST.
Ngày 29/3/2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thu Hà

2. Bà Đặng Thị Huệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 397/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27/11/2020 về việc *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn,* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2021/QĐST- HNGĐ ngày 11/3/2021, giữa:

** Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Đ, sinh năm 1989.
Nơi ĐKHKTT: Thôn Cóoc, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
Chỗ ở hiện nay: Thôn Dương Chỉ, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.
** Bị đơn*: Anh Triệu Văn S, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Cóoc, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang.
(Chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Anh Triệu Văn S đăng ký kết hôn vào ngày 05/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại thôn Cóoc, xã H, huyện Y, tỉnh Tuyên Quang, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn , nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Từ cuối năm 2015 mâu thuẫn căng thẳng,

chị chuyển về ở nhà bố mẹ đẻ thôn Dương Chỉ, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, chị và anh S đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn yêu thương quý trọng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết cho Chị Đ ly hôn với Anh Triệu Văn S.

Về con chung: Chị và Anh Triệu Văn S có 01 con chung là cháu Triệu Minh N, sinh ngày 04/02/2012. Hiện nay cháu N đang ở với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: chị và anh S không có tài sản chung; không vay nợ ai, cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên toà, Chị Đ giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh S trốn tránh, giấu địa chỉ, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có văn bản trình bày ý kiến. Do đó Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên toà đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Y phát biểu quan điểm: Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án ly hôn sơ thẩm về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, thẩm phán và Hội đồng xét xử (HĐXX) đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ, xử cho chị Phạm Thị Đ được ly hôn với Anh Triệu Văn S. Về con chung: giao cháu Triệu Minh N, sinh ngày 04/02/2012 cho Chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Triệu Văn S không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Đ và anh S kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn, vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn, do vậy quan hệ pháp luật

tranh chấp xác định là: *Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* theo quy định tại khoản 1, Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Kết quả xác minh xác định Anh Triệu Văn S đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại xã H, huyện Y. Vì vậy, căn cứ khoản 1, điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân huyện Y.

[3] Anh S đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ, HĐXX nhận định:

[4.1] Đối với yêu cầu xin ly hôn với Anh Triệu Văn S: Căn cứ kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của anh S xác định: Chị Đ và anh S kết hôn từ năm 2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng Chị Đ chung sống tại thôn Cóoc, xã H đến năm 2015. Từ năm 2015 đến nay, Chị Đ chuyển về nhà mẹ đẻ ở thôn Dương Chỉ, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc sinh sống, anh S và Chị Đ không chung sống cùng nhau. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, sống ly thân giữa Chị Đ và anh S là do vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, bất đồng quan điểm sống, từ năm 2015 đến nay Chị Đ và anh S đã sống ly thân, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, không tồn tại một gia đình hạnh phúc.

Bản thân Chị Đ xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể quay lại đoàn tụ được. Quá trình giải quyết vụ án, anh S không có ý kiến gì, không có mặt theo yêu cầu của Tòa án để tiến hành hòa giải, điều đó cho thấy anh S cũng không mong muốn hòa giải đoàn tụ. Từ những căn cứ trên xác định, tình trạng hôn nhân giữa Chị Đ và anh S đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của Chị Đ là chính đáng và có căn cứ cần chấp nhận theo quy định tại khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Đối với yêu cầu được giao nuôi con chung khi ly hôn, HĐXX nhận định: Chị Đ và anh S có 01 con chung là cháu Triệu Minh N, sinh ngày 04/02/2012. Từ khi sống ly thân (năm 2015) đến nay cháu N sống cùng Chị Đ, hiện tại Chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Anh S giấu địa chỉ, không rõ nghề nghiệp, mức thu nhập và không có văn bản trình bày nguyện vọng nuôi con. Chị Đ có nguyện vọng được nuôi con, bản thân cháu N đã 9 tuổi có nguyện vọng được sống cùng mẹ. Tham vấn ý kiến của chính quyền địa phương có ý kiến, do cháu N đã ở với Chị Đ từ nhỏ, anh S đi làm ăn xa, thường xuyên vắng nhà, vì vậy nên giao cháu N cho Chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Từ những căn cứ trên, HĐXX xét thấy yêu cầu được quyền nuôi con của Chị Đ là có căn cứ cần được chấp nhận. Do Chị Đ không yêu cầu cấp dưỡng nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Đ xác định không có, không đề nghị giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đ phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh S không phải nộp án phí.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 39, 147, 228, 235, 238, 264, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị Đ về việc *Kiện Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn* đối với Anh Triệu Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Đ được ly hôn Anh Triệu Văn S.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Triệu Minh N, sinh ngày 04/02/2012 cho chị Phạm Thị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi. Anh Triệu Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Đ phải nộp 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001903 ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Tuyên Quang. Anh Triệu Văn S không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Văn Toàn

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã H (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Sử Đặng Thị Nga **Nguyễn Văn Toàn**